

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29-10-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Hồ Văn Tài**

Bà **Đỗ Thị Thu Hà**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2021, Thông báo tạm dừng việc xét xử số: 246/TB - TA ngày 09/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 274/TB - TA ngày 01/10/2021 ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tam H, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Chị **Trần Hồng Linh D1**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**- Người làm chứng:** Bà **Trần Thị Quốc Ánh**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Anh D trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, vào năm 2011, anh và chị Trần Hồng Linh D1 tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện L. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, không ai chịu nhường nhịn ai nên từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị D1 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay cháu A đang sống với chị D1. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D1 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Trong quá trình làm việc, bị đơn chị Trần Hồng Linh D1 trình bày:

Chị thống nhất trình bày của anh D về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D có tình cảm với người đàn bà khác chứ chị không hề có lỗi. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý vì chị là người theo đạo Thiên Chúa. Hiện nay, chị cũng không còn tình cảm với anh D mà chỉ còn tình nghĩa vợ chồng. Chị D1 đề nghị sau khi ly hôn anh D đứng làm phiên đến chị nếu không liên quan đến con cái.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 08/10/2012. Chị đồng ý với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, anh D được ly hôn với chị D1; Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 08/10/2012 cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh D cấp dưỡng nuôi con cho chị D1 mỗi tháng 2.000.000đ; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Anh D có đơn khởi kiện ly hôn với chị Trần Hồng Linh D1, do đó xác định anh D là nguyên đơn, chị D1 là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh D và chị Trần Hồng Linh D1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Anh D yêu cầu được ly hôn, chị D1 không đồng ý ly hôn vì chị D1 cho rằng mình không có lỗi và chị D1 là người theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn. Tuy nhiên, cả anh D, chị D1 đều thừa nhận: Vợ chồng anh chị hay cãi nhau vì không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay, anh chị đã không còn sống chung với nhau. Từ đó đến nay, hai vợ chồng không quan tâm, bỏ mặc cuộc sống của nhau. Lời trình bày của anh chị cũng phù hợp với lời khai của bà Trần Thị Quốc Ánh ( mẹ ruột chị D1). Như vậy, có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh D và chị D1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Anh D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh D, chị D1 thống nhất là sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 08/10/2012 cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D1 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[5] Về tài sản chung: Anh D, chị D1 không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Anh D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh D ly hôn chị Trần Hồng Linh D1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 08/10/2012 cho chị Trần Hồng Linh D1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Anh D cấp dưỡng nuôi con cho chị D1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi bản án có hiệu lực pháp luật), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004214 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ thành tiền án phí, anh D còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Anh D, chị D1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Huệ**